

KQ/250008152
No.: NA250708-22NS01PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Nước tại bể chứa - Trạm Phụng Hiệp, Ấp Mỹ Thuận 1, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ

Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch

Số lượng/ Quantity : 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 08/07/2025

Ngày trả kết quả/ Date of result : 18/07/2025

Mô tả mẫu/ Description : Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS01	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0044	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,22	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,9	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	7,5	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,77	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,32	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,35	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008152
No.: NA250708-22NS01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- (®): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008153
 No.: NA250708-22NS02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Phụng Hiệp, Ấp Mỹ Thuận 1, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS02	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0043	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,23	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,8	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,5	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,72	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,32	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,21	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	<i>Escherichia coli</i> ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008153
No.: NA250708-22NS02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽⁶⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008154
 No.: NA250708-22NS03

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Hồ Chí Nguyên - Trại Phụng Hiệp, Ấp Mỹ Thuận 1, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS03	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0042	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,26	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,40	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,1	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,70	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,32	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,28	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	<i>Escherichia coli</i> ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008154
No.: NA250708-22NS03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008155
 No.: NA250708-22NS04

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân, Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
					NS04	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0020	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,15	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,1	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,73	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	0,03	1,5	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,42	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Amoni (NH₄⁺) không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008155
No.: NA250708-22NS04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008156
 No.: NA250708-22NS05

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân, Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS05	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0014	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,12	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,8	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,64	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	1,3	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,35	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Amoni (NH₄⁺) không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008156
No.: NA250708-22NS05

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM .
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008157
 No.: NA250708-22NS06

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Phạm Thị Ba - Trạm cấp nước tập trung xã Phú Tân, Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
					NS06	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0015	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,49	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	8,8	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,81	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	1,5	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,76	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	<i>Escherichia coli</i> ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Amoni (NH₄⁺) không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ
MÔI TRƯỜNG NAVITEK
NAVITEK FOOD & ENVIRONMENTAL TESTING JSC.



KQ/250008157
No.: NA250708-22NS06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017;

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)

Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008158
 No.: NA250708-22NS07

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Tân Phước Hưng, Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS07	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0021	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,29	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,30	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	7,2	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,71	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	1,8	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,35	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Amoni (NH₄⁺) không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008158
No.: NA250708-22NS07

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008159
 No.: NA250708-22NS08

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Tân Phước Hưng, Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS08	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0018	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,21	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,33	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	6,3	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,69	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	1,9	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,28	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Amoni (NH₄⁺) không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

KQ/250008159
No.: NA250708-22NS08

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008160
 No.: NA250708-22NS09

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Võ Văn Vũ - Trạm Tân Phước Hưng, Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS09	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Arsen (As)/ Arsenic content ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0003	0,0017	0,01
2	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,23	0,2 - 1
3	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,33	2
4	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
6	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	7,9	15
7	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,81	6 ÷ 8,5
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	1,8	1
9	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	0,21	2
10	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
11	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Amoni (NH₄⁺) không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

KQ/250008160
No.: NA250708-22NS09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008161
No.: NA250708-22NS10

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Phương Phú, Ấp Phương Bình, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS10	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,15	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	11,6	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,61	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,074	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	2,0	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

KQ/250008161
No.: NA250708-22NS10

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽²⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008162
 No.: NA250708-22NS11

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Phương Phú, Ấp Phương Bình, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
					NS11	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,26	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,21	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	11,8	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,59	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,071	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,6	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	1,2x10 ²	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	1,2x10 ²	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm Coliforms và E.coli không đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008162
No.: NA250708-22NS11

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- ⁽⁶⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008163
 No.: NA250708-22NS12

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Nguyễn Thị Ngọc Vắn - Trạm Phương Phú, Ấp Phương Bình, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS12	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,12	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	13,4	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,60	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,11	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,7	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008163
No.: NA250708-22NS12

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽²⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008164
No.: NA250708-22NS13

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Phương Bình, Ấp Phương Quới, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
					NS13	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,2	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	13,9	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,44	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	0,03	0,26	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,2	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008164
No.: NA250708-22NS13

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽²⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008165
No.: NA250708-22NS14

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Phương Bình, Ấp Phương Quới, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS14	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,3	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	13,5	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,37	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,25	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008165
No.: NA250708-22NS14

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽²⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008166
 No.: NA250708-22NS15

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Đặng Thanh Thành - Trạm Phương Bình, Ấp Phương Quới, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS15	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,31	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,85	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	13,4	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,31	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,26	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,3	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com



KQ/250008166
No.: NA250708-22NS15

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008167
 No.: NA250708-22NS16

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Hòa Mỹ, Ấp Mỹ Thành, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS16	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,26	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,58	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	14,3	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,32	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,19	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,1	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com



KQ/250008167
No.: NA250708-22NS16

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008168

No.: NA250708-22NS17

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Lê Văn Lý - Trạm Hòa Mỹ, Ấp Mỹ Thành, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS17	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,27	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,12	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	12,5	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,26	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,19	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,0	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008168

No.: NA250708-22NS17

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008169
 No.: NA250708-22NS18

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước tại bể chứa - Trạm Hòa An - Hiệp Hưng, Ấp 1, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
					NS18	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,29	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,31	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	10,5	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,31	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,19	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,0	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008169
No.: NA250708-22NS18

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008170
 No.: NA250708-22NS19

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Hòa An - Hiệp Hưng, Ấp 1, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS19	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,28	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,60	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	13,7	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,31	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,28	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,6	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008170
No.: NA250708-22NS19

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽²⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/250008171
 No.: NA250708-22NS20

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Nguyễn Việt Hoàng - Trạm Hòa An - Hiệp Hưng, Ấp 1, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
					NS20	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,30	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	0,21	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	9,9	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,35	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,17	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,5	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008171

No.: NA250708-22NS20

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ⁽²⁾: Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008172
No.: NA250708-22NS21**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**

Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Nước cuối nguồn - Trạm Tân Bình, Ấp Tân Long, Xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ**

Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**

Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**

Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**

Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS21	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,29	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,2	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	13,4	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,46	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,16	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,7	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008172
No.: NA250708-22NS21

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**



Nguyễn Tuấn Huy

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài



KQ/250008173
 No.: NA250708-22NS22

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**
 Địa chỉ/ Address : **Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hộ dân Dương Trí Dũng - Trạm Tân Bình, Ấp Tân Long, Xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch**
 Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **08/07/2025**
 Ngày trả kết quả/ Date of result : **18/07/2025**
 Mô tả mẫu/ Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh**

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
					NS22	Giới hạn tối đa/ Maximum limit
1	Hàm lượng Clo tự do/ Free chlorine ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,03	0,31	0,2 - 1
2	Độ đục/ Turbidity ^(#)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,03	1,6	2
3	Mùi/ Odor ^(#)	-	HL-NS-003 (2024) (Ref. SMEWW 2150B:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Vị/ Flavor ^(#)	-	HL-NS-004 (2024) (Ref. SMEWW 2160B:2023)	-	Không có vị lạ	-
5	Độ màu/ Color ^(#)	TCU	SMEWW 2120C:2023	3,0	12,3	15
6	pH/ pH value ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,31	6 ÷ 8,5
7	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)/ Amonium content ^(#)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .F:2023	0,03	0,20	1
8	Chỉ số Permanganat/ Permanganate index ^(#)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,15	1,2	2
9	Coliforms ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1
10	Escherichia coli ^(#)	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	-	KPH	<1

Kết luận: Kết quả có chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Chất Lượng Nước Sạch Sử Dụng Cho Mục Đích Sinh Hoạt.

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Hotline: 08 4422 7879 Email: info@navitekjsc.com Website: www.navitekjsc.com

KQ/250008173
No.: NA250708-22NS22

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- ^(*): Phép thử được công nhận ISO 17025:2017/ Test is accredited ISO 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)



Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Hoàng Hoài

